

Số: **16** /2020/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **19** tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 35/TTr-SLĐTBXH ngày 27 tháng 3 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đối với 12 nghề, gồm:

1. Chăn nuôi Heo;
2. Chăn nuôi Gà;
3. Chăn nuôi Trâu - Bò;
4. Trồng và chăm sóc cây Tiêu;
5. Trồng và chăm sóc cây Cà phê;
6. Khuyến nông lâm;
7. Xây dựng dân dụng;

8. Sửa chữa máy nông nghiệp;
9. Lái xe ô tô hạng B2;
10. Lái xe ô tô hạng C;
11. Lái xe ô tô nâng hạng B2 lên hạng C;
12. Lái xe ô tô nâng hạng B2 lên hạng D.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

## 2. Mục tiêu ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

- Làm căn cứ xác định chi phí trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, tiết kiệm và hiệu quả.

- Làm căn cứ để xây dựng và thực hiện kế hoạch, quản lý kinh tế, tài chính và quản lý chất lượng trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

- Thúc đẩy xã hội hóa lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, tạo môi trường hoạt động bình đẳng giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và ngoài công lập.

**Điều 2.** Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; định kỳ ba năm một lần tổ chức rà soát, đánh giá và kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung đối với định mức kinh tế - kỹ thuật nghề đào tạo không còn phù hợp với điều kiện mới về tổ chức thực hiện và tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2020./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐ-TB&XH;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật);
- Báo Đắk Lắk, Đài PT và TH tỉnh;
- Các TT: Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, KGVX (Ng-40b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị

**Phụ lục I:**  
**ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT NGHỀ CHĂN NUÔI HEO**  
 (Kèm theo Quyết định số **46** /2020/QĐ-UBND ngày **19** tháng 5 năm 2020  
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

**Tên nghề: Chăn nuôi Heo**

**Trình độ đào tạo: Đào tạo dưới 03 tháng**

**Thời gian đào tạo: 02 tháng**

Định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 01 học sinh, học viên học nghề Chăn nuôi heo, trong điều kiện lớp học lý thuyết 35 học sinh, học viên và lớp học thực hành 18 học sinh, học viên.

**I. ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

TT	Định mức lao động	Định mức (giờ)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Định mức lao động trực tiếp</b>	<b>9,76</b>	
1.1	Định mức giờ dạy lý thuyết	1,43	
	Trình độ chuyên môn của giáo viên: Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với nghề giảng dạy.		
1.2	Định mức giờ dạy thực hành	8,33	
	Trình độ chuyên môn của giáo viên: Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với nghề giảng dạy hoặc có một trong các chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với nghề giảng dạy: chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 1 hoặc chứng nhận bậc thợ 3/7, 2/6 hoặc chứng nhận nghề nhân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc tương đương trở lên.		
<b>2</b>	<b>Định mức lao động gián tiếp</b>	<b>1,95</b>	
	Trình độ chuyên môn của giáo viên: Có bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề hoặc trung cấp trở lên, có ngành nghề đào tạo phù hợp với việc làm.		

**II. ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ**

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật cơ bản	Định mức thiết bị (giờ)
1	Máy vi tính	Loại có thông số kỹ thuật thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm	1,43